TỈNH ỦY LÀO CAI * Số 108 -CTr/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Lào Cai, ngày 30 tháng 8 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

---

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW). Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về yêu cầu đổi mới mô hình phát triển trong giai đoạn mới; xác định đổi mới mô hình phát triển là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị.

- Cụ thể hóa đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW thành các nhiệm vụ phù hợp với vị trí, tiềm năng, lợi thế và điều kiện thực tiễn của tỉnh Lào Cai; khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng hiện có, đồng thời hình thành các động lực tăng trưởng mới, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc theo hướng "xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc".

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng phát triển; từng bước chuyển từ mô hình phát triển còn dựa chủ yếu vào gia tăng vốn đầu tư, khai thác tài nguyên, mở rộng quy mô đất đai và lao động sang mô hình dựa chủ yếu vào năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực quản trị.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ của Trung ương; đồng thời bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình hành động số 13-CTr/TU, Chương trình hành động số 51-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 35-NQ/TU và các nghị quyết, chương trình chuyên đề của tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ, nguồn lực, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của người đứng đầu. Không giao lại các mục tiêu, nhiệm vụ đã được xác định và đang tổ chức thực hiện theo các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh. Các nhiệm vụ đã có tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành. Chương trình này tập trung xác định các yêu cầu mới, nhiệm vụ có tính tổng thể, liên ngành, tạo chuyển biến về mô hình tăng trưởng, phương thức huy động và phân bổ nguồn lực, liên kết các động lực phát triển và quản trị phát triển.

- Phân công nhiệm vụ theo phương châm "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả"; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua sản phẩm cụ thể và tác động thực chất đối với phát triển kinh tế - xã hội, doanh nghiệp và người dân.

- Kế thừa các chỉ tiêu chủ yếu đã được xác định trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của tỉnh; đồng thời từng bước theo dõi các yếu tố phản ánh chất lượng mô hình phát triển theo yêu cầu của Trung ương trên cơ sở có phương pháp tính và nguồn số liệu chính thức.

3. Quan điểm

- Đổi mới mô hình phát triển của Lào Cai phải được thực hiện đồng bộ, toàn diện, không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà cả về xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế và quản trị; đặt trong tổng thể mô hình phát triển mới của đất nước và định hướng phát triển vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

- Đổi mới mô hình phát triển trước hết là đổi mới phương thức tạo ra tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng; khắc phục tình trạng tăng trưởng phụ thuộc quá nhiều vào vốn, tài nguyên và mở rộng quy mô; phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, trong đó ngày càng lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực làm động lực chủ yếu.

- Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của phát triển; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, tạo lập thể chế, hạ tầng,

dữ liệu và môi trường phát triển; thị trường giữ vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ các nguồn lực sản xuất, Nhà nước tập trung nguồn lực vào những lĩnh vực nền tảng, chiến lược, dẫn dắt và có sức lan tỏa.

- Phát huy cao nhất lợi thế đặc thù của Lào Cai về vị trí cửa ngõ, kinh tế cửa khẩu, hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, công nghiệp, khoáng sản, nông nghiệp, du lịch, văn hóa, cảnh quan và không gian phát triển mới sau hợp nhất; tăng cường liên kết giữa các ngành, địa bàn và động lực phát triển.

- Phát triển kinh tế phải gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, củng cố quốc phòng, an ninh; không đánh đổi môi trường, tài nguyên, văn hóa và chất lượng sống để lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; gắn với mục tiêu "giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường".

- Đổi mới quản trị phát triển theo hướng hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu, phân tích và dự báo; tăng phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tạo lập cơ bản các nền tảng của mô hình phát triển mới tỉnh Lào Cai theo hướng hiệu quả, xanh, số, sáng tạo, bao trùm và bền vững; tổ chức lại mô hình tăng trưởng, không gian phát triển và phương thức phân bổ nguồn lực; nâng cao rõ rệt năng suất, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả đầu tư, năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của nền kinh tế.

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao từng bước trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng; kinh tế tư nhân phát triển mạnh; nguồn lực nhà nước được sử dụng theo hướng tập trung, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa; các ngành, địa bàn và động lực tăng trưởng được kết nối ngày càng chặt chẽ.

- Phấn đấu đến năm 2035 cơ bản chuyển sang mô hình phát triển mới đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng - an ninh, hội nhập và quản trị.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Tiếp tục phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Lào Cai tại Phụ lục I kèm theo Chương trình này.

Bên cạnh đó, từng bước theo dõi, đánh giá các yếu tố phản ánh chất lượng, hiệu quả của mô hình phát triển theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, nhất là năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, hiệu quả sử dụng nguồn lực, phát triển xanh và chất lượng sống; việc bổ sung chỉ tiêu định lượng thực hiện khi có phương pháp tính, nguồn số liệu và cơ quan công bố chính thức.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm phát triển quan trọng của khu vực phía Bắc, trung tâm kết nối giao thương kinh tế quốc tế; có nền kinh tế xanh, hiện đại, sáng tạo, năng suất và sức cạnh tranh cao; mô hình phát triển dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn nhân lực chất lượng cao và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đời sống vật chất, tinh thần, chất lượng sống và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân được nâng cao; bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Các nhiệm vụ cần làm ngay trong năm 2026

Các nhiệm vụ cần làm ngay trong năm 2026 được xác định tại Phụ lục II kèm theo Chương trình hành động; tổ chức thực hiện theo tiến độ, trách nhiệm và yêu cầu đề ra đối với từng nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình đến năm 2030

Các nhiệm vụ thực hiện theo lộ trình đến năm 2030 được xác định tại Phụ lục II kèm theo Chương trình hành động; tổ chức thực hiện theo tiến độ, trách nhiệm và yêu cầu đề ra đối với từng nhiệm vụ.

3. Nhiệm vụ thường xuyên

3.1. Về đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh

- Tăng cường phân tích cơ cấu, chất lượng tăng trưởng trên cơ sở hệ thống số liệu, thông tin hiện có; nhận diện rõ các động lực cần tiếp tục phát huy, các yếu tố cần cơ cấu lại và các động lực mới cần hình thành, làm cơ sở nâng cao chất lượng điều hành phát triển.

- Chuyển mạnh từ mô hình tăng trưởng còn dựa nhiều vào gia tăng các yếu tố đầu vào sang mô hình dựa ngày càng nhiều hơn vào năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả sử dụng nguồn lực; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao

hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng và giảm phát thải.

- Đổi mới phương thức tạo giá trị trong các ngành kinh tế chủ yếu. Đối với công nghiệp, đẩy mạnh cơ cấu lại nội ngành theo hướng giảm dần phụ thuộc vào khai thác, sơ chế; tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp vật liệu, công nghiệp xanh và kinh tế tuần hoàn; phát huy lợi thế khoáng sản gắn với chế biến sâu, phát triển các chuỗi sản xuất sau luyện kim, hóa chất, phân bón; nâng cao giá trị chế biến gỗ, dược liệu và sản phẩm gắn với vùng nguyên liệu tập trung; khuyến khích ứng dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm phát thải và phát triển khu công nghiệp theo hướng sinh thái. Đối với kinh tế cửa khẩu, chuyển từ trọng tâm thông quan hàng hóa sang phát triển hệ sinh thái thương mại, logistics, dịch vụ và chuỗi cung ứng. Đối với du lịch, chuyển từ chú trọng tăng số lượng khách sang nâng cao chất lượng dịch vụ, mức chi tiêu, thời gian lưu trú và giá trị trên mỗi lượt khách. Đối với nông nghiệp, chuyển từ chú trọng sản lượng sang phát triển kinh tế nông nghiệp, chuỗi giá trị, thương hiệu, chế biến và thị trường. Đối với đô thị, chuyển từ mở rộng không gian sang nâng cao năng suất đô thị, chất lượng dịch vụ và hiệu quả sử dụng đất.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.2. Về phát huy và tăng cường liên kết các động lực tăng trưởng

- Tập trung phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng chủ yếu của tỉnh, nhất là kinh tế cửa khẩu - thương mại - logistics; công nghiệp chế biến, chế tạo; du lịch - dịch vụ; nông nghiệp giá trị cao; kinh tế đô thị; kinh tế số và kinh tế xanh; đồng thời chủ động khai thác các dư địa và động lực tăng trưởng mới phù hợp với điều kiện, lợi thế của tỉnh.

- Phát huy vai trò của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng, trung tâm giao thương, dịch vụ và logistics kết nối Việt Nam, ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc; phát triển đồng bộ hạ tầng, dịch vụ logistics, kho bãi, trung chuyển hàng hóa và vận tải đa phương thức; tăng cường kết nối giữa cửa khẩu, đường bộ, đường sắt, khu công nghiệp, đô thị và các vùng sản xuất.

- Đổi mới phương thức phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng chuyển từ trọng tâm thông quan hàng hóa sang phát triển hệ sinh thái thương mại, logistics, dịch vụ, sản xuất, trung chuyển và chuỗi cung ứng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tự động hóa và chia sẻ dữ liệu trong quản lý cửa khẩu, logistics và hoạt động thương mại, góp phần rút ngắn thời gian, giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tăng cường liên kết, bổ trợ và tạo hiệu ứng lan tỏa giữa các động lực tăng trưởng; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết cửa khẩu - logistics - công nghiệp - đô thị - thương mại, dịch vụ - du lịch - nông nghiệp - thị trường; phát huy vai trò của các đô thị động lực, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, trung tâm logistics, trung tâm du lịch, vùng sản xuất tập trung và các hành lang kinh tế trong tổ chức không gian và dẫn dắt phát triển.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án cụ thể về phát triển cửa khẩu, logistics, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các động lực tăng trưởng theo quy hoạch, nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Chương trình này tập trung vào yêu cầu nâng cao tính liên kết, hiệu quả tổng hợp và sức lan tỏa giữa các động lực, hạn chế tình trạng phát triển phân tán, thiếu kết nối.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 19-NQ/TW với Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch của tỉnh; chuyển mạnh từ ứng dụng công nghệ chủ yếu phục vụ quản lý sang sử dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu và chuyển đổi số để trực tiếp nâng cao năng suất, giảm chi phí và tạo giá trị mới.

- Ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật và các công nghệ số phù hợp trong quản lý cửa khẩu, logistics, kho bãi, vận tải, truy xuất hàng hóa, thương mại và sản xuất công nghiệp; thúc đẩy doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp công nghiệp và thương mại nâng cao mức độ số hóa, tự động hóa và quản trị dựa trên dữ liệu.

- Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, quản trị số, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới; tăng cường kết nối doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia và tổ chức khoa học, công nghệ.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Về huy động, phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực

- Thực hiện phân bổ nguồn lực theo các ưu tiên phát triển, hiệu quả và kết quả đầu ra; nâng cao chất lượng đầu tư công, khắc phục phân bổ dàn trải, manh mún.

- Ưu tiên nguồn lực nhà nước cho kết cấu hạ tầng chiến lược, kết nối các cực và động lực tăng trưởng; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nguồn nhân lực; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, địa bàn khó khăn và các lĩnh vực thiết yếu mà thị trường chưa đáp ứng đầy đủ.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác đất đai, tài sản công, khoáng sản, tài nguyên nước và các nguồn lực thuộc sở hữu nhà nước; xử lý các nguồn lực đang sử dụng chưa hiệu quả để chuyển hóa thành nguồn lực phát triển.

- Phát huy vai trò dẫn dắt của vốn nhà nước để huy động mạnh mẽ nguồn lực doanh nghiệp, PPP, FDI, ODA, tín dụng và các nguồn lực xã hội khác.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.5. Về tổ chức không gian phát triển và tăng cường liên kết vùng

- Tổ chức không gian phát triển theo hướng đa cực, liên kết và bổ trợ lẫn nhau, phát huy vai trò của các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đô thị động lực, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, trung tâm du lịch, vùng sản xuất hàng hóa tập trung và các khu vực có tiềm năng tạo động lực phát triển mới.

- Tăng cường kết nối giữa vùng thấp với vùng cao, đô thị với nông thôn, khu vực sản xuất với cửa khẩu, trung tâm logistics và thị trường; phát huy hiệu quả hành lang sông Hồng, các tuyến kết nối Đông - Tây và hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược để mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực kết nối các khu vực sản xuất, công nghiệp, đô thị, du lịch và cửa khẩu với các trung tâm kinh tế lớn.

- Phát huy vai trò cửa ngõ của Lào Cai trên Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; tăng cường liên kết với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương trong vùng, gắn kết với các trung tâm sản xuất, logistics, cảng biển và thị trường tiêu thụ lớn; mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, nâng cao khả năng tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Chủ động mở rộng hợp tác với tỉnh Vân Nam và các địa phương của Trung Quốc trong thương mại, logistics, cửa khẩu và chuỗi cung ứng; phối hợp tháo gỡ các rào cản thương mại, tạo thuận lợi thông quan, phát triển thương mại biên giới và nâng cao hiệu quả kết nối kinh tế qua biên giới, bảo đảm phù hợp với chủ trương đối ngoại của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.6. Về phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân và các chủ thể kinh tế

- Tiếp tục cải thiện thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững và trở thành một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường và tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

- Thu hút có chọn lọc các nhà đầu tư chiến lược vào những ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường và tạo liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.7. Về phát triển nguồn nhân lực và xã hội bao trùm, lấy con người làm trung tâm

- Phát triển nguồn nhân lực gắn với cơ cấu kinh tế và các động lực tăng trưởng mới; tăng cường dự báo nhu cầu nhân lực, đào tạo nghề, đào tạo lại và phát triển kỹ năng theo nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, thị trường lao động.

- Ưu tiên nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp, logistics, thương mại quốc tế, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh và quản trị hiện đại.

- Gắn tăng trưởng kinh tế với tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo đa chiều, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, văn hóa và dịch vụ xã hội; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, vùng cao, địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Phát triển con người Lào Cai toàn diện; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và bản sắc các dân tộc; lấy chất lượng sống, mức độ hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân làm thước đo quan trọng của chất lượng phát triển.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

3.8. Về chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên và nâng cao khả năng chống chịu

- Tích hợp yêu cầu tăng trưởng xanh, giảm phát thải, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và các quyết định phát triển.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước, khoáng sản và năng lượng; thúc đẩy chế biến sâu, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng, tái chế và tuần hoàn nguyên liệu. Phát triển hệ thống năng lượng theo hướng xanh, bền vững, đa dạng hóa nguồn cung, khai thác hợp lý tiềm năng thủy điện và thúc đẩy các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện sinh khối, điện rác, điện gió, điện mặt trời và các hình thức năng lượng mới phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực

tiễn và yêu cầu bảo vệ môi trường; khuyến khích sử dụng năng lượng sạch trong sản xuất, vận tải, logistics và hoạt động cửa khẩu.

- Tiếp tục hoàn thiện, kết nối và khai thác các cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường theo các chương trình, đề án đã được phê duyệt.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và quản trị rủi ro thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu của kết cấu hạ tầng, cộng đồng trước lũ quét, sạt lở, ngập lụt và các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

3.9. Về đổi mới quản trị phát triển

- Đổi mới phương thức quản trị từ chú trọng quy trình, đầu vào sang quản trị theo mục tiêu, kết quả và tác động; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nguồn lực, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo, xây dựng kịch bản phát triển hằng năm và trung hạn; chủ động nhận diện các biến động, rủi ro có thể tác động đến tăng trưởng và phát triển.

- Ưu tiên kế thừa, khai thác, kết nối và tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số hiện có để phục vụ theo dõi các chỉ tiêu, động lực tăng trưởng, phân tích, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ quá trình ra quyết định; việc đầu tư mới chỉ xem xét trên cơ sở xác định rõ sự cần thiết, yêu cầu, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực.

Trách nhiệm chỉ đạo thực hiện: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các cấp ủy, tổ chức đảng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng

- Tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này thông qua các chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình vào nghị quyết, chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, tài chính - ngân sách hằng năm; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Người đứng đầu chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Đối với các nội dung đã được cụ thể hóa tại nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch hiện hành, tiếp tục tổ chức thực hiện theo phân công; không xây dựng lại chương trình, kế hoạch riêng nếu không cần thiết.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Chương trình hành động thành kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách và kế hoạch vốn; xác định rõ thứ tự ưu tiên, nguồn lực, tiến độ và kết quả thực hiện.

- Chỉ đạo rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp vào Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, ngân sách và chương trình công tác; phân công các cơ quan chuyên môn thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo với các chương trình, đề án, kế hoạch đã có.

- Chỉ đạo theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu và quá trình chuyển đổi mô hình phát triển; ưu tiên sử dụng hệ thống dữ liệu, chế độ báo cáo hiện hành; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; tham mưu sơ kết và tổng kết theo quy định.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo rà soát, ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực thuộc thẩm quyền để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động.

- Tăng cường giám sát chuyên đề đối với việc triển khai các dự án, cơ chế, chính sách và hiệu quả huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh

- Lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện Chương trình.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý đối với các cơ chế, chính sách liên quan đến đổi mới mô hình phát triển, nhất là những nội dung tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp, môi trường và phát triển bền vững.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Chủ trì, hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này; định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền thường xuyên, thống nhất và hiệu quả; định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền thường xuyên, thống nhất, hiệu quả; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả.

- Theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội; kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc về đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng trong việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý những hạn chế, sai phạm; bảo đảm thực hiện nghiêm kỷ luật của Đảng.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chuyên viên Phòng TH-VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY LÀO CAI

Hoàng Giang

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 108 -CTr/TU ngày 30 /8/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	>240.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
-	Cơ cấu GRDP		100		
+	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	12,4	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
+	Công nghiệp - Xây dựng	%	43,5	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
+	Dịch vụ	%	37,5	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
+	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	6,6	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010)	%	>10,0	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	136	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	70	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	20	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	>32.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
6	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	>500.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	>38,0	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Phan Trung Bá - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
8	Tổng lượng khách du lịch	1000 lượt người	>15.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc
	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	70.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
9	Chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân/năm	%	>12,0	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
10	Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn	Triệu USD	>10.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Thành Sinh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
11	Số doanh nghiệp toàn tỉnh	Doanh nghiệp	>18.000	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
	Trong đó: tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả	%	>60,0	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP	%	>72,0	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
12	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%	>6,5	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
13	Số lượng nhà ở xã hội	Căn hộ	6.720	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Phan Trung Bá - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
II	**CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI**				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc
14	Tuổi thọ trung bình người dân tính từ lúc sinh	Tuổi	75,5	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Số năm sống khỏe mạnh	Năm	68	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
15	Chỉ số hạnh phúc của người dân	%	72	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
16	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	36	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	<42	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
17	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	>45	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	15,5	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc
	Xã, phường đạt tối thiểu 4-5 bác sỹ/trạm y tế	Xã, phường	4 bác sĩ/trạm y tế vào năm 2027	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
18	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	85	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	%	85	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	Xã, phường	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
19	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030)	%	Giảm 2,5-3 điểm%/năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Vũ Thị Hiền Hạnh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
20	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	50	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
III	**CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG**				
21	Tỷ lệ che phủ rừng	%	60	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc
22	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	95	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý	%	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
23	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	>90	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
24	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
25	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW
(Kèm theo Chương trình hành động số 108-CTr/TU ngày 30 /8/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả, sản phẩm chủ yếu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	**NHIỆM VỤ CẦN LÀM NGAY**					
1	Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh; làm rõ nội hàm của đổi mới mô hình phát triển, yêu cầu chuyển đổi phương thức tạo ra tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị	Hội nghị, tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt; nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy được tuyên truyền, phổ biến, triển khai thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng	Đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; người đứng đầu các cấp ủy, tổ chức đảng	Đảng ủy UBND tỉnh; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Trước ngày 15/10/2026

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả, sản phẩm chủ yếu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc	Cơ quan phối hợp	Thời gian
2	Xây dựng, ban hành Kế hoạch hoặc Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động này; trong đó cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy, gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng ngành, lĩnh vực và địa phương; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ, nguồn lực và kết quả thực hiện, bảo đảm triển khai đồng bộ, thống nhất, thực chất, hiệu quả	Kế hoạch hoặc Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, sản phẩm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ và nguồn lực thực hiện.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; các địa phương	Trước ngày 15/10/2026
3	Ngay từ quá trình xây dựng kế hoạch năm 2027, lồng ghép yêu cầu đổi mới mô hình phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, dự toán và phân bổ ngân sách, chương trình công tác của các cấp, các ngành; chú trọng các tiêu chí về năng suất, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sử dụng nguồn lực, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh và khả năng tạo tác động lan tỏa.	Yêu cầu đổi mới mô hình phát triển được lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, kế hoạch đầu tư công, dự toán và phân bổ ngân sách, chương trình công tác của các cấp, các ngành.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; các địa phương	Trong năm 2026 và các năm tiếp theo

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả, sản phẩm chủ yếu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc	Cơ quan phối hợp	Thời gian
II	**NHIỆM VỤ THEO LỘ TRÌNH**					
1	Rà soát, lồng ghép yêu cầu đổi mới mô hình phát triển vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm thống nhất giữa Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình số 33-CTr/TW với các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh	Yêu cầu đổi mới mô hình phát triển được lồng ghép trong kế hoạch phát triển KTXH, đầu tư công, ngân sách và chương trình công tác hằng năm; không xây dựng đề án rà soát riêng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Các đảng ủy trực thuộc, các sở, ngành, địa phương	Trong giai đoạn 2026-2030
2	Theo dõi, đánh giá chất lượng tăng trưởng và quá trình chuyển đổi mô hình phát triển, tập trung vào năng suất lao động, kinh tế số, khu vực kinh tế tư nhân, hiệu quả sử dụng nguồn lực và các động lực tăng trưởng chủ yếu	Nội dung đánh giá được tích hợp trong báo cáo KTXH định kỳ, báo cáo giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ; không lập báo cáo chuyên đề hằng năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Thống kê tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan	Trong giai đoạn 2026-2030

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả, sản phẩm chủ yếu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc	Cơ quan phối hợp	Thời gian
3	Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách và thủ tục ảnh hưởng đến đầu tư, sản xuất, kinh doanh, huy động và sử dụng nguồn lực	Các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền được giải quyết; nội dung vượt thẩm quyền được tổng hợp, kiến nghị Trung ương; sử dụng các cơ chế rà soát hiện có	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh	Các sở, ngành theo lĩnh vực	Trong giai đoạn 2026-2030
4	Tăng cường liên kết các động lực, ngành, lĩnh vực và không gian phát triển, nhất là liên kết cửa khẩu - logistics - công nghiệp - đô thị - thương mại, dịch vụ - du lịch - nông nghiệp - thị trường	Các yêu cầu liên kết được lồng ghép khi xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, danh mục dự án; hình thành, phát triển các chuỗi liên kết và hệ sinh thái kinh tế phù hợp; không lập đề án riêng nếu không cần thiết	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Thành Sinh - Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các cơ quan quản lý lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, công thương, nông nghiệp, du lịch và địa phương	Trong giai đoạn 2026-2030

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả, sản phẩm chủ yếu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc	Cơ quan phối hợp	Thời gian
5	Tập trung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào giải quyết các bài toán phát triển trọng tâm của tỉnh, trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, kế hoạch, chương trình, đề án hiện hành	Các bài toán ưu tiên được lựa chọn, tổ chức triển khai theo các chương trình, kế hoạch KHCN, ĐMST, CĐS hiện có; kết quả được đánh giá theo sản phẩm thực tế	Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo; Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu	Trong giai đoạn 2026-2030
6	Đổi mới và nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực phát triển, ưu tiên hạ tầng chiến lược, các dự án có tính dẫn dắt, liên kết và lan tỏa; phát huy vai trò dẫn dắt của nguồn lực công để huy động nguồn lực xã hội	Các nguyên tắc ưu tiên được lồng ghép trong kế hoạch đầu tư công, ngân sách, quản lý đất đai, tài sản công và lựa chọn dự án; không xây dựng bộ tiêu chí/phương pháp riêng nếu pháp luật và cơ chế hiện hành đã quy định	Đảng ủy UBND tỉnh	Đồng chí Nguyễn Tuấn Anh - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Tài chính và các cơ quan quản lý nguồn lực theo chức năng	Trong giai đoạn 2026-2030

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả, sản phẩm chủ yếu	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cá nhân phụ trách chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc	Cơ quan phối hợp	Thời gian
7	Khai thác, kết nối dữ liệu và nâng cao năng lực phân tích, dự báo, cảnh báo phục vụ điều hành, trên cơ sở các hệ thống, cơ sở dữ liệu và nền tảng số hiện có	Từng bước hình thành công cụ tổng hợp, phân tích và hiển thị các chỉ tiêu chủ yếu, phục vụ theo dõi, dự báo và cảnh báo; ưu tiên kế thừa, tích hợp, không mặc nhiên hình thành dự án đầu tư mới	Đảng ủy UBND tỉnh chỉ đạo; Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu giải pháp dữ liệu, nền tảng	Đồng chí Giàng Quốc Hưng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; cơ quan thống kê; các sở, ngành	Trong giai đoạn 2026-2030